

Số: 4.16/TB-ĐHKH

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO

**Lịch thi sát hạch chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học cho sinh viên
đợt thi 30, 31 tháng 5 năm 2020**

Căn cứ Công văn số 848/ĐHKH-ĐT ngày 01/10/2019 của Trường Đại học Khoa học về việc thực hiện chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp từ tháng 10/2019 đến 31/12/2020; Căn cứ Kế hoạch số 132/KH-ĐHKH ngày 19/02/2020 về việc tổ chức thi sát hạch chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học cho sinh viên Trường Đại học Khoa học, Nhà trường thông báo lịch thi sát hạch chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học cho sinh viên hệ chính quy như sau:

Ngày thi	Ngoại ngữ	Tin học
Thứ 7 30/5/2020	Thi nghe-nói: (Cả ngày, Sáng 7h30-11h30 Chiều 13h30-17h30 giảng đường 3A301,304,401) (có danh sách kèm theo)	
Chủ nhật 31/5/2020	Trắc nghiệm: Ca1: 7h30-8h20 phòng máy 1,2,4 Ca2: 8h30-9h20 phòng máy 1,2,4 Ca3: 9h30-10h20 phòng máy 1,2,4 Ca4: 10h30-11h20 phòng máy 1,2,4 Ca7: 15h45-16h35 phòng máy 1,2,4 (có danh sách kèm theo)	Trắc nghiệm: Ca5: 13h30-14h30 phòng máy 1,2,4 Thực hành: Ca6: 14h30-15h30 phòng máy 1,2,4 (có danh sách kèm theo)

Mọi thắc mắc sinh viên liên hệ Phòng Khảo thí & ĐBCLGD - Phòng 211 (cán bộ phụ trách trực tiếp: ThS. Trịnh Thanh Tuấn, SĐT: 0389510105).

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các đơn vị;
- VOffice;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Phạm Thị Phương Thái*

DANH SÁCH THÍ CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CTH333
Mã danh sách thi: CTH333_31/05/2020_5_1
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tin học
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 5 (13:30 - 14:30)
Phong Thi: GD:PM1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	1	DTZ1653404010019	KHÔNG VŨ GIANG ANH	12/01/1998					
2	2	DTZ1653801010370	HOÀNG NGỌC ANH	01/10/1998					
3	3	DTZ1652202010036	VƯƠNG NGỌC BÍCH	18/11/1998					
4	4	DTZ1657601010053	LÒ THI CẢNH	14/08/1998					
5	5	DTZ1654402170006	GIẢNG MÍ CẦU	28/07/1998					
6	6	DTZ1657601010111	HÀNG A CHINH	04/03/1998					
7	7	DTZ1653801010236	SÙNG A CHỦ	08/12/1997					
8	8	DTZ1657601010124	LÒ MINH CHUÔNG	12/03/1998					
9	9	DTZ1657601010098	CHÚNG SEO DẪN	01/01/1991					
10	10	DTZ1655104010005	ĐANG MÙI DÁT	29/09/1998					
11	11	DTZ1653801010469	VY THỊ DIỄM	30/03/1998					
12	12	DTZ1653801010412	NGUYỄN THỊ DIỆU	25/09/1997					
13	13	DTZ1653801010489	LY KY ĐU	21/07/1998					
14	14	DTZ1652202010018	HOÀNG THỊ DUNG	15/11/1998					
15	15	DTZ1657601010038	CHANG A DỪNG	15/03/1998					
16	16	DTZ1657601010118	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	17/06/1998					
17	17	DTZ1357601010161	HOÀNG THỊ DƯƠNG	25/11/1995					
18	18	DTZ1657204030007	NÔNG THỊ HẰNG	22/01/1998					
19	19	DTZ1653801010507	NÔNG TIẾN HẢO	21/08/1995					
20	20	DTZ1553801010079	NGÔ NGỌC HOÀNG	3/3/1997					
21	21	DTZ1352203100017	NÔNG NGỌC HOÀNG	17/12/1994					
22	22	DTZ1455104030032	NGUYỄN MAI HƯƠNG	25/05/1996					
23	23	DTZ1455104030052	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	24/09/1996					
24	24	DTZ1553404010016	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	08/01/1997					
25	25	DTZ1653404010003	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	19/02/1998					
26	26	DTZ1652202010021	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	10/03/1998					
27	27	DTZ1652202010022	NGUYỄN THỊ HUYỀN	02/01/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt..... Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ chấm thi 2:.....

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CTH333
Mã danh sách thi: CTH333_31/05/2020_5_2
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tin học
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 5 (13:30 - 14:30)
Phong Thi: GĐ:PM2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	28	DTZ1652203300006	TRẦN LÊ CHÂU	HUYỀN	01/08/1998				
2	29	DTZ1652202010011	TRẦN THU	HUYỀN	07/12/1998				
3	30	DTZ1657601010116	PHAN VĂN	KIÊN	23/04/1998				
4	31	DTZ1654403010005	TRƯƠNG THÁI	LÂM	26/07/1998				
5	32	DTZ1654403010004	TRƯƠNG THỦY	LÂM	26/07/1998				
6	33	DTZ1653801010145	LÊ THỊ NGỌC	LAN	28/11/1998				
7	34	DTZ1657601010109	LỖ MỸ	LAN	18/08/1998				
8	35	DTZ1254403010078	MẠC THỊ	LAN	18/8/1994				
9	36	DTZ1652202010010	DƯƠNG THỊ THÙY	LINH	10/03/1998				
10	37	DTZ1652202010027	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/07/1998				
11	38	DTZ1652202010009	PHẠM TUẤN	LINH	10/05/1998				
12	39	DTZ1652202010001	NGUYỄN MINH	LỘC	24/10/1998				
13	40	DTZ1653801010368	PHAN VĂN	LƯƠNG	18/8/1998				
14	41	DTZ1652202010013	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	02/08/1998				
15	42	DTZ1657601010088	SÙNG MÍ	LY	22/10/1996				
16	43	DTZ1653801010264	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LÝ	16/09/1998				
17	44	DTZ1652203300005	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	15/03/1998				
18	45	DTZ1652202010019	THẦN THỊ NGỌC	MAI	30/12/1998				
19	46	DTZ1657601010119	THẢO MÍ	NAM	22/06/1998				
20	47	DTZ1655281020025	VŨ ĐỨC	NAM	18/08/1998				
21	48	DTZ1657204030006	PHẠM HỒNG	NGỌC	6/7/1997				
22	49	DTZ1652202010012	MA THỊ MINH	NGUYỆT	19/6/1997				
23	50	DTZ1654202010004	NGUYỄN THỊ HOA	NHÀI	06/04/1998				
24	51	DTZ1657601010093	HOÀNG THỊ	NHẤT	18/11/1997				
25	52	DTZ1657601010076	LỖ KHÒ	NU	06/11/1998				
26	53	DTZ1657601010137	VÀNG THỊ	PHÍA	08/03/1998				
27	54	DTZ1553801010276	NGUYỄN LONG	PHÚC	18/7/1997				

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt..... Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ chấm thi 2:.....

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CTH333
Mã danh sách thi: CTH333_31/05/2020_5_3
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tin học
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 5 (13:30 - 14:30)
Phong Thi: GĐ:PM4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	55	DTZ1654402170003	ĐINH QUANG PHÙNG	22/03/1997					
2	56	DTZ1654403010002	LƯƠNG THÚY PHƯƠNG	23/04/1998					
3	57	DTZ1653404010033	XA VĂN QUANG	18/11/1998					
4	58	DTZ1653801010471	NGUYỄN THỊ QUÊ	06/01/1998					
5	59	DTZ1652202010029	PHẠM NHƯ QUỲNH	19/12/1998					
6	60	DTZ1657601010046	LY SEO THANH	08/12/1997					
7	61	DTZ1652202010031	NGUYỄN THỊ THANH	27/02/1997					
8	62	DTZ1652202010016	NGUYỄN THU THẢO	26/06/1998					
9	63	DTZ1652203300004	NÔNG THỊ THÁP	20/07/1997					
10	64	DTZ1652202010008	MA VĂN THIÊN	22/09/1998					
11	65	DTZ1657204030003	NGUYỄN VĂN ĐÀM THIÊN	05/02/1998					
12	66	DTZ1655281020015	NÔNG DUY THÔNG	12/04/1997					
13	67	DTZ1652202010004	ĐỖ THỊ ANH THƯ	10/12/1998					
14	68	DTZ1657601010023	LÙ THỊ THÂN THƯƠNG	28/04/1998					
15	69	DTZ1653801010072	LƯƠNG THỊ THƯƠNG	21/01/1998					
16	70	DTZ1652202010032	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	13/05/1998					
17	71	DTZ1657204030005	TẠ THỊ THANH THÚY	22/02/1998					
18	72	DTZ1657601010033	LÝ VĂN TUẤN	16/09/1998					
19	73	DTZ1657601010113	HÀNG A TÙNG	11/06/1997					
20	74	DTZ1653801010217	VÀNG MÍ VÀ	10/12/1998					
21	75	DTZ1652202010014	LÝ THỊ THÚY VÂN	18/09/1998					
22	76	DTZ1652203300001	NÔNG THỊ BÍCH VÂN	01/09/1997					
23	77	DTZ1654202010001	DƯƠNG VĂN VŨ	11/12/1998					
24	78	DTZ1652202010023	NÔNG THẾ VŨ	06/11/1997					
25	79	DTZ1657601010009	LY PHÍ XA	15/04/1998					
26	80	DTZ1652203300009	HOÀNG THỊ XOA	11/11/1998					
27	81	DTZ1655281020040	ĐẶNG THỊ XOAN	10/07/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt..... Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ chấm thi 2:.....

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CTH333

Mã danh sách thi: CTH333_31/05/2020_6_1

Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tin học

Phần thi: Thực hành máy tính

Ca thi: 6 (14:30 - 15:30)

Phong Thi:

GD:PM1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	1	DTZ1653404010019	KHÔNG VŨ GIANG	ANH	12/01/1998				
2	2	DTZ1653801010370	HOÀNG NGOC	ÁNH	01/10/1998				
3	3	DTZ1652202010036	VƯƠNG NGOC	BÍCH	18/11/1998				
4	4	DTZ1657601010053	LÒ THỊ	CÀNH	14/08/1998				
5	5	DTZ1654402170006	GIANG MÍ	CÁU	28/07/1998				
6	6	DTZ1657601010111	HANG A	CHINH	04/03/1998				
7	7	DTZ1653801010236	SÙNG A	CHỦ	08/12/1997				
8	8	DTZ1657601010124	LÒ MINH	CHƯƠNG	12/03/1998				
9	9	DTZ1657601010098	CHÚNG SEO	DẪN	01/01/1991				
10	10	DTZ1655104010005	ĐANG MÙI	DÁT	29/09/1998				
11	11	DTZ1653801010469	VY THỊ	DIỄM	30/03/1998				
12	12	DTZ1653801010412	NGUYỄN THỊ	DIỆU	25/09/1997				
13	13	DTZ1653801010489	LY KY	ĐU'	21/07/1998				
14	14	DTZ1652202010018	HOÀNG THỊ	DUNG	15/11/1998				
15	15	DTZ1657601010038	CHANG A	DỪNG	15/03/1998				
16	16	DTZ1657601010118	NGUYỄN VĂN	ĐU'OC	17/06/1998				
17	17	DTZ1357601010161	HOÀNG THỊ	DƯƠNG	25/11/1995				
18	18	DTZ1657204030007	NÔNG THỊ	HĂNG	22/01/1998				
19	19	DTZ1653801010507	NÔNG TIẾN	HÀO	21/08/1995				
20	20	DTZ1553801010079	NGÔ NGOC	HOÀNG	3/3/1997				
21	21	DTZ1352203100017	NÔNG NGOC	HOÀNG	17/12/1994				
22	22	DTZ1455104030032	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	25/05/1996				
23	23	DTZ1455104030052	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	24/09/1996				
24	24	DTZ1553404010016	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	08/01/1997				
25	25	DTZ1653404010003	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	19/02/1998				
26	26	DTZ1652202010021	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/03/1998				
27	27	DTZ1652202010022	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	02/01/1998				

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt..... Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ chấm thi 2:.....

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CTH333
Mã danh sách thi: CTH333_31/05/2020_6_2
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tin học
Phần thi: Thực hành máy tính
Ca thi: 6 (14:30 - 15:30)
Phong Thi: GĐ:PM2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	28	DTZ1652203300006	TRẦN LÊ CHÂU	HUYỀN	01/08/1998				
2	29	DTZ1652202010011	TRẦN THU	HUYỀN	07/12/1998				
3	30	DTZ1657601010116	PHAN VĂN	KIÊN	23/04/1998				
4	31	DTZ1654403010005	TRƯƠNG THÁI	LÂM	26/07/1998				
5	32	DTZ1654403010004	TRƯƠNG THỦY	LÂM	26/07/1998				
6	33	DTZ1653801010145	LÊ THỊ NGỌC	LAN	28/11/1998				
7	34	DTZ1657601010109	LỖ MỸ	LAN	18/08/1998				
8	35	DTZ1254403010078	MẠC THỊ	LAN	18/8/1994				
9	36	DTZ1652202010010	DƯƠNG THỊ THÙY	LINH	10/03/1998				
10	37	DTZ1652202010027	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/07/1998				
11	38	DTZ1652202010009	PHẠM TUẤN	LINH	10/05/1998				
12	39	DTZ1652202010001	NGUYỄN MINH	LỘC	24/10/1998				
13	40	DTZ1653801010368	PHAN VĂN	LƯƠNG	18/8/1998				
14	41	DTZ1652202010013	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	02/08/1998				
15	42	DTZ1657601010088	SÙNG MÍ	LY	22/10/1996				
16	43	DTZ1653801010264	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LÝ	16/09/1998				
17	44	DTZ1652203300005	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	15/03/1998				
18	45	DTZ1652202010019	THẦN THỊ NGỌC	MAI	30/12/1998				
19	46	DTZ1657601010119	THẢO MÍ	NAM	22/06/1998				
20	47	DTZ1655281020025	VŨ ĐỨC	NAM	18/08/1998				
21	48	DTZ1657204030006	PHẠM HỒNG	NGOC	6/7/1997				
22	49	DTZ1652202010012	MA THỊ MINH	NGUYỆT	19/6/1997				
23	50	DTZ1654202010004	NGUYỄN THỊ HOA	NHÀI	06/04/1998				
24	51	DTZ1657601010093	HOÀNG THỊ	NHẤT	18/11/1997				
25	52	DTZ1657601010076	LỖ KHỜ	NU	06/11/1998				
26	53	DTZ1657601010137	VÀNG THỊ	PHÍA	08/03/1998				
27	54	DTZ1553801010276	NGUYỄN LONG	PHÚC	18/7/1997				

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt..... Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ chấm thi 2:.....

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CTH333
Mã danh sách thi: CTH333_31/05/2020_5_3
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tin học
Phần thi: Thực hành máy tính
Ca thi: 6 (14:30 - 15:30)
Phong Thi: GĐ:PM4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	55	DTZ1654402170003	ĐINH QUANG PHÙNG	22/03/1997					
2	56	DTZ1654403010002	LƯƠNG THỦY PHƯƠNG	23/04/1998					
3	57	DTZ1653404010033	XA VĂN QUANG	18/11/1998					
4	58	DTZ1653801010471	NGUYỄN THỊ QUÊ	06/01/1998					
5	59	DTZ1652202010029	PHAM NHƯ QUỲNH	19/12/1998					
6	60	DTZ1657601010046	LY SEO THANH	08/12/1997					
7	61	DTZ1652202010031	NGUYỄN THỊ THANH	27/02/1997					
8	62	DTZ1652202010016	NGUYỄN THU THẢO	26/06/1998					
9	63	DTZ1652203300004	NÔNG THỊ THÁP	20/07/1997					
10	64	DTZ1652202010008	MA VĂN THIÊN	22/09/1998					
11	65	DTZ1657204030003	NGUYỄN VĂN ĐÀM THIÊN	05/02/1998					
12	66	DTZ1655281020015	NÔNG DUY THÔNG	12/04/1997					
13	67	DTZ1652202010004	ĐỖ THỊ ANH THƯ	10/12/1998					
14	68	DTZ1657601010023	LÙ THỊ THÂN THƯƠNG	28/04/1998					
15	69	DTZ1653801010072	LƯƠNG THỊ THƯƠNG	21/01/1998					
16	70	DTZ1652202010032	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	13/05/1998					
17	71	DTZ1657204030005	TẠ THỊ THANH THỦY	22/02/1998					
18	72	DTZ1657601010033	LÝ VĂN TUẤN	16/09/1998					
19	73	DTZ1657601010113	HÀNG A TÙNG	11/06/1997					
20	74	DTZ1653801010217	VÀNG MỊ VẢ	10/12/1998					
21	75	DTZ1652202010014	LÝ THỊ THỦY VÂN	18/09/1998					
22	76	DTZ1652203300001	NÔNG THỊ BÍCH VÂN	01/09/1997					
23	77	DTZ1654202010001	DƯƠNG VĂN VŨ	11/12/1998					
24	78	DTZ1652202010023	NÔNG THẾ VŨ	06/11/1997					
25	79	DTZ1657601010009	LY PHÍ XA	15/04/1998					
26	80	DTZ1652203300009	HOÀNG THỊ XOA	11/11/1998					
27	81	DTZ1655281020040	ĐẶNG THỊ XOAN	10/07/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_1_1
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 1 (07:30 - 08:20)
Phong Thi: GD:PM1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ghi chú
1	1	DTZ1553201010001	NGUYỄN THỌ TRĂNG AN	14/6/1997					
2	2	DTZ1653801010434	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH	12/09/1998					
3	3	DTZ1653801010191	BÙI TUẤN ANH	28/02/1996					
4	4	DTZ1653404010019	KHÔNG VŨ GIANG ANH	12/01/1998					
5	5	DTZ1657601010034	LÝ THẢO ANH	13/05/1998					
6	6	DTZ1653801010014	MA TUẤN ANH	09/06/1998					
7	7	DTZ1653801010025	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	20/03/1998					
8	8	DTZ1655281020042	NGUYỄN QUỲNH ANH	04/03/1998					
9	9	DTZ1653801010370	HOÀNG NGỌC ÁNH	01/10/1998					
10	10	DTZ1657601010112	NÔNG THỊ NGỌC ÁNH	22/04/1997					
11	11	DTZ1653801010005	TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	10/08/1998					
12	12	DTZ1653801010221	VI THỊ THU BA	02/09/1998					
13	13	DTZ1654402170011	HOÀNG ĐỨC BẮC	08/02/1996					
14	14	DTZ1653801010265	HOÀNG THỊ BĂNG	04/03/1995					
15	15	DTZ1653801010138	PHU HỒ BE	01/03/1998					
16	16	DTZ1653801010094	NGUYỄN THỊ BÌNH	02/07/1998					
17	17	DTZ1655281020011	DƯƠNG THỊ HẢI BÌNH	01/06/1998					
18	18	DTZ1653801010444	MÙA A BÌNH	05/04/1998					
19	19	DTZ1653801010462	VÀNG SEO BÌNH	17/01/1995					
20	20	DTZ1653801010506	KHANG THỊ BLA	04/04/1998					
21	21	DTZ1657601010039	GIẢNG XE BƯ	26/03/1998					
22	22	DTZ1657601010053	LÒ THỊ CÀNH	14/08/1998					
23	23	DTZ1654402170006	GIẢNG MÌ CẦU	28/07/1998					
24	24	DTZ1657601010079	MUA MÌ CÂY	17/08/1997					
25	25	DTZ1657601010012	TRẮNG SEO CHA	03/10/1998					
26	26	DTZ1653801010417	VŨ A CHÁ	06/01/1998					
27	27	DTZ1657601010120	LÒ THỊ CHÂM	01/01/1997					
28	28	DTZ1653801010024	HOÀNG THỊ CHÂM	15/10/1997					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_1_2
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính Phong Thi:
Ca thi: 1 (07:30 - 08:20) GD: PM2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	29	DTZ1653801010046	LIỄU THI CHÂM	28/12/1998					
2	30	DTZ1655281020041	NÔNG THI CHIÊM	23/09/1997					
3	31	DTZ1657601010047	BÙI VĂN CHIÊN	25/08/1998					
4	32	DTZ1653801010063	LÙ VĂN CHIỀU	15/04/1998					
5	33	DTZ1657601010111	HÀNG A CHINH	04/03/1998					
6	34	DTZ1453201010093	VŨ THỊ TUYẾT CHINH	24/07/1996					
7	35	DTZ1653801010428	SÙNG A CHÍNH	18/08/1998					
8	36	DTZ1452203300011	HẦU MÍ CHƠ	19/04/1994					
9	37	DTZ1653801010229	SÙNG THI CHU	10/03/1998					
10	38	DTZ1653801010236	SÙNG A CHỦ	08/12/1997					
11	39	DTZ1657601010069	VÀNG THI CHỮ	07/04/1998					
12	40	DTZ1653404010050	ĐẶNG TÒN CHUÔNG	10/10/1998					
13	41	DTZ1657601010124	LÒ MINH CHUÔNG	12/03/1998					
14	42	DTZ1657601010042	LƯƠNG THI CHUYỀN	23/05/1998					
15	43	DTZ1653801010093	MÙA THI CU	01/01/1998					
16	44	DTZ1657601010057	NÔNG THỊ KIM CÚC	20/12/1998					
17	45	DTZ1653801010045	THẢO THI CÚC	10/12/1997					
18	46	DTZ1653801010293	CHẤU SÍN CUNG	20/06/1998					
19	47	DTZ1653801010096	NGUYỄN DUY CƯƠNG	10/08/1998					
20	48	DTZ1653801010453	LÒ VĂN CƯỜNG	19/05/1997					
21	49	DTZ1653801010250	NGUYỄN VĂN ĐÀI	11/03/1998					
22	50	DTZ1657601010098	CHÚNG SEO DẪN	01/01/1991					
23	51	DTZ1653801010097	TRẦN VĂN ĐĂNG	28/02/1998					
24	52	DTZ1655104010005	ĐẶNG MÙI DÁT	29/09/1998					
25	53	DTZ1653801010359	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	07/05/1998					
26	54	DTZ1653801010013	PHẠM NGỌC ĐẠT	02/08/1998					
27	55	DTZ1657601010036	LÒ MÌ DE	20/12/1998					
28	56	DTZ1653801010486	VÀNG A DÍNH	10/03/1996					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_1_3
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 1 (07:30 - 08:20)
Phong Thi: GĐ:PM4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	57	DTZ1653801010391	HOÀNG THỊ DÍ	03/03/1997					
2	58	DTZ1657601010062	VŨ A DÌA	10/06/1998					
3	59	DTZ1653801010098	VY THỊ MINH ĐIỂM	18/09/1998					
4	60	DTZ1653801010067	MÔNG THỊ NGỌC ĐIỂM	27/01/1998					
5	61	DTZ1653801010469	VY THỊ ĐIỂM	30/03/1998					
6	62	DTZ1657601010097	DƯƠNG THỊ ĐIỂN	20/06/1997					
7	63	DTZ1653801010396	NGUYỄN THỊ ĐIỂN	06/08/1998					
8	64	DTZ1653801010099	TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	14/11/1998					
9	65	DTZ1653801010452	HOÀNG THỊ DIỆP	08/04/1998					
10	66	DTZ1653801010412	NGUYỄN THỊ DIỆU	25/09/1997					
11	67	DTZ1653801010280	HẠNG THỊ DINH	20/12/1998					
12	68	DTZ1653801010033	THẢO A DÌNH	20/07/1998					
13	69	DTZ1653404010046	ĐÀM NGỌC ĐÌNH	25/10/1997					
14	70	DTZ1653801010325	TRIỆU THỊ THANH DOẢN	21/08/1998					
15	71	DTZ1653801010488	TRẦN CÔNG ĐOÀN	30/12/1994					
16	72	DTZ1654403010006	CHU CÔNG ĐOÀN	26/04/1998					
17	73	DTZ1354403010007	LƯU CÔNG DOANH	24/09/1995					
18	74	DTZ1653801010015	LÒ VĂN ĐÔNG	19/10/1998					
19	75	DTZ1657601010010	LÝ THỊ ĐÔNG	05/09/1998					
20	76	DTZ1657601010037	LÒ THỊ DƯ	05/02/1998					
21	77	DTZ1653801010489	LY KY DƯ	21/07/1998					
22	78	DTZ1653801010326	LŨ THỊ DUNG	10/11/1998					
23	79	DTZ1553201010010	ĐỖ HOÀNG DỪNG	18/04/1997					
24	80	DTZ1657601010118	NGUYỄN VĂN ĐƯƠC	17/06/1998					
25	81	DTZ1653801010466	NÔNG THỊ THÙY DƯƠNG	03/09/1998					
26	82	DTZ1657601010019	TẢO THÊN DƯƠNG	15/09/1998					
27	83	DTZ1357601010161	HOÀNG THỊ DƯƠNG	25/11/1995					
28	84	DTZ1653801010336	DƯƠNG THỊ DUYÊN	23/01/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THỊ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_2_1
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 2 (08:30 - 09:20)
Phong Thi: GB:PM1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ghi chú
1	85	DTZ1653801010464	SÙNG THỊ GIÀ	20/04/1996					
2	86	DTZ1653801010151	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	04/02/1998					
3	87	DTZ1653801010039	TÀ THỊ HÀ	12/11/1998					
4	88	DTZ1653801010364	PHẠM BÁ GIANG	02/01/1998					
5	89	DTZ1653801010498	GIẢNG A	27/11/1998					
6	90	DTZ1653801010463	CỬ MÍ	01/02/1997					
7	91	DTZ1653801010104	CAO VIỆT HÀ	15/05/1998					
8	92	DTZ1653801010497	CHU THỊ THU HÀ	27/01/1998					
9	93	DTZ1653801010040	NGÔ NGÂN HÀ	25/10/1998					
10	94	DTZ1653801010105	TRẦN THỊ HỒNG HÀ	01/09/1997					
11	95	DTZ1657601010063	LÒ THỊ HÀ	17/09/1998					
12	96	DTZ1553801010055	ĐINH THỊ NGỌC HÀ	01/06/1997					
13	97	DTZ1653801010182	NGUYỄN THỊ HẢI	05/03/1998					
14	98	DTZ1653801010135	LÒ THỊ HẢI	22/01/1997					
15	99	DTZ1655281020038	BẾ THỊ NGỌC HÂN	20/06/1998					
16	100	DTZ1653801010153	NGUYỄN MINH HĂNG	28/09/1998					
17	101	DTZ1553801010061	NGUYỄN THỊ HĂNG	23/01/1997					
18	102	DTZ1653801010012	ĐINH THỦY HĂNG	24/08/1998					
19	103	DTZ1657204030007	NÔNG THỊ HĂNG	22/01/1998					
20	104	DTZ1653801010411	VÌ THỊ HĂNG	11/04/1998					
21	105	DTZ1653801010172	CHÁNG A HẠNH	20/03/1997					
22	106	DTZ1653404010005	DƯƠNG THỊ HẠNH	10/08/1998					
23	107	DTZ1653404010035	HÀ MINH HẠNH	27/05/1998					
24	108	DTZ1655281020014	BÙI THỊ HẠNH	30/08/1998					
25	109	DTZ1653801010507	NÔNG TIẾN HẢO	21/08/1995					
26	110	DTZ1657601010080	HOÀNG VĂN HIỀN	09/01/1998					
27	111	DTZ1657601010017	SÂM THỊ HIỀN	16/07/1997					
28	112	DTZ1653404010016	HOÀNG THỊ HIỀN	08/04/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_2_2
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 2 (08:30 - 09:20)
Phong Thi: GD:PM2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ghi chú
1	113	DTZ1653801010110	CAO THẾ HIỀN	01/01/1998					
2	114	DTZ1653801010344	TRẦN MINH HIẾU	15/09/1998					
3	115	DTZ1653801010485	LƯƠNG TRUNG HIẾU	04/12/1997					
4	116	DTZ1657601010086	LƯƠNG THỊ HIẾU	26/11/1997					
5	117	DTZ1653801010433	LÀU A HỒ	09/09/1998					
6	118	DTZ1653801010369	NGUYỄN THỊ HOA	16/12/1998					
7	119	DTZ1653801010491	NGUYỄN THỊ MAI HOA	26/07/1998					
8	120	DTZ1658501010012	HÀ THỊ HOA	06/10/1998					
9	121	DTZ1653801010352	HOÀNG THỊ THU HÒA	30/09/1997					
10	122	DTZ1653801010379	HOÀNG THU HOÀI	25/12/1998					
11	123	DTZ1354403010013	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	26/08/1994					
12	124	DTZ1653801010055	HOÀNG VĂN HOÀN	23/05/1998					
13	125	DTZ1653801010505	LÀNH MINH HOÀN	12/08/1998					
14	126	DTZ1653801010090	HỒ ANH MINH HOÀNG	11/05/1998					
15	127	DTZ1653801010112	PHÙNG ĐỨC HOÀNG	22/01/1998					
16	128	DTZ1653801010400	BẾ NHẬT HOÀNG	24/08/1997					
17	129	DTZ1653801010069	LÊ ĐÌNH HOÀNG	03/02/1998					
18	130	DTZ1653801010023	NGUYỄN HUY HOÀNG	08/01/1998					
19	131	DTZ1653801010074	NGUYỄN HỮU HOÀNG	16/02/1998					
20	132	DTZ1352203100017	NÔNG NGỌC HOÀNG	17/12/1994					
21	133	DTZ1457601010114	TRẦN VIỆT HOÀNG	29/07/1995					
22	134	DTZ1553801010079	NGÔ NGỌC HOÀNG	3/3/1997					
23	135	DTZ1653801010178	LÊ THỊ ĐỨC HỒNG	29/07/1998					
24	136	DTZ1653801010378	LÀU A HỒNG	07/10/1997					
25	137	DTZ1653404010048	NGUYỄN VĂN HUÂN	22/01/1998					
26	138	DTZ1653801010004	TRẦN PHAN HÙNG	04/12/1998					
27	139	DTZ1653801010395	TRẦN SĨ HÙNG	30/01/1997					
28	140	DTZ1653801010451	NGUYỄN MANH HÙNG	27/10/1996					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THỊ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_2_3
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 2 (08:30 - 09:20)
Phong Thi: GD:PM4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	141	DTZ1653801010026	NGUYỄN VIỆT HƯNG	21/08/1998					
2	142	DTZ1653801010394	HOÀNG VĂN HƯNG	04/10/1998					
3	143	DTZ1355281020024	NGUYỄN HẢI HƯNG	02/09/1995					
4	144	DTZ1657601010085	CAM THI HƯƠNG	13/11/1997					
5	145	DTZ1653404010029	LỘC THI HƯƠNG	24/02/1996					
6	146	DTZ1653404010025	NGUYỄN THI HƯƠNG	11/08/1998					
7	147	DTZ1653404010003	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	19/02/1998					
8	148	DTZ1455104030032	NGUYỄN MAI HƯƠNG	25/05/1996					
9	149	DTZ1553404010016	NGUYỄN THI HƯƠNG	08/01/1997					
10	150	DTZ1652203300003	TẠ THI HƯƠNG	07/04/1997					
11	151	DTZ1655281020031	HOÀNG THI HƯƠNG	11/09/1998					
12	152	DTZ1455104030052	NGUYỄN THI HƯƠNG	24/09/1996					
13	153	DTZ1653801010330	PHẦN THỊ MAI HƯƠNG	16/04/1997					
14	154	DTZ1655281020049	PHẠM THỊ LAN HƯƠNG	22/09/1998					
15	155	DTZ1657601010025	HOÀNG KIM HƯƠNG	9/11/1998					
16	156	DTZ1657601010049	HOÀNG THI HƯƠNG	07/01/1998					
17	157	DTZ1657601010032	CHẦN THI HƯƠNG	15/05/1998					
18	158	DTZ1653801010458	CHU THI HƯƠNG	23/08/1998					
19	159	DTZ1655281020017	ĐU QUỐC HUY	30/09/1998					
20	160	DTZ1653801010048	ĐÔNG VĂN HUY	22/11/1996					
21	161	DTZ1455104030003	NGUYỄN QUANG HUY	31/12/1996					
22	162	DTZ1653801010180	NGUYỄN THU HUYỀN	16/10/1998					
23	163	DTZ1653801010007	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	13/02/1998					
24	164	DTZ1652203300006	TRẦN LÊ CHÂU HUYỀN	01/08/1998					
25	165	DTZ1655281020034	ĐOÀN THỊ THANH HUYỀN	16/01/1998					
26	166	DTZ1653801010174	LỤC QUỐC KHÁNH	11/05/1998					
27	167	DTZ1657601010129	LÒ THI KHUYẾN	05/03/1998					
28	168	DTZ1657601010092	LÝ THANH KIỂM	03/09/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1: Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2: Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THÍ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_3_1

Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Trắc nghiệm máy tính

Phong Thi:

Ca thi: 3 (09:30 - 10:20)

GD: PM1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngay Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ghi chú
1	169	DTZ1653801010034	NGUYỄN TRUNG KIÊN	15/02/1998					
2	170	DTZ1657601010116	PHAN VĂN KIÊN	23/04/1998					
3	171	DTZ1455104030020	PHAM TRUNG KIÊN	08/01/1994					
4	172	DTZ1653404010012	NÔNG THI KIỀU	18/09/1998					
5	173	DTZ1653404010020	LÒ THI LÃ	26/06/1995					
6	174	DTZ1654403010005	TRƯƠNG THÁI LÂM	26/07/1998					
7	175	DTZ1654403010004	TRƯƠNG THỦY LÂM	26/07/1998					
8	176	DTZ1654202010008	NGUYỄN THẾ LÂM	04/06/1992					
9	177	DTZ1657601010048	NGUYỄN THI HƯƠNG LAN	07/06/1998					
10	178	DTZ1653801010145	LÊ THI NGỌC LAN	28/11/1998					
11	179	DTZ1657601010109	LỖ MỸ LAN	18/08/1998					
12	180	DTZ1653801010448	TRIỆU THỦY LAN	20/06/1997					
13	181	DTZ1653801010242	LÂM VĂN LẬP	16/04/1998					
14	182	DTZ1653801010460	VI NHẬT LÊ	14/07/1998					
15	183	DTZ1653801010113	HOÀNG THI LEN	04/09/1998					
16	184	DTZ1555281020060	MAI THỊ HOA LEN	9/8/1997					
17	185	DTZ1653801010152	NGUYỄN THÁI LIÊN	12/01/1998					
18	186	DTZ1657601010091	LÒ VĂN LIÊN	20/10/1998					
19	187	DTZ1657601010073	ĐINH THỊ HOÀI LINH	18/07/1998					
20	188	DTZ1653801010114	HOÀNG KHÁNH LINH	06/09/1998					
21	189	DTZ1654403010008	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	27/05/1998					
22	190	DTZ1653404010023	NÔNG THI LINH	08/07/1997					
23	191	DTZ1653801010018	TRẦN ĐA LINH	08/02/1998					
24	192	DTZ1657601010052	NÔNG THỊ HỒNG LINH	04/05/1997					
25	193	DTZ1653801010490	LỖ THỊ ÁI LINH	20/11/1998					
26	194	DTZ1655281020008	MINH PHƯƠNG LINH	05/02/1996					
27	195	DTZ1655281020028	NGUYỄN QUANG LINH	14/12/1998					
28	196	DTZ1655281020007	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	04/09/1997					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_3_2
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 3 (09:30 - 10:20)
Phong Thi: GD:PM2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ghi chú
1	197	DTZ1653801010215	NÔNG THỊ TÀI	11/11/1998					
2	198	DTZ1653801010358	TÔNG THỊ KHÁNH	23/12/1997					
3	199	DTZ1653801010037	TRIỆU HOÀNG	03/11/1998					
4	200	DTZ1553801010301	VŨ KHÁNH	03/07/1997					
5	201	DTZ1653801010207	RIÊU THỊ	16/11/1998					
6	202	DTZ1455281020031	VŨ NGOC	26/12/1995					
7	203	DTZ1657601010043	HỜ A	06/07/1998					
8	204	DTZ1653801010447	LÒ LỒ	15/6/1997					
9	205	DTZ1657601010131	LY A	06/02/1995					
10	206	DTZ1653801010329	LÒ THỊ	14/09/1997					
11	207	DTZ1657601010133	HOÀNG ANH	19/05/1997					
12	208	DTZ1653801010368	PHAN VĂN	18/08/1998					
13	209	DTZ1653801010495	ĐÀM THỊ	29/03/1997					
14	210	DTZ1653801010163	LÝ VĂN	10/10/1998					
15	211	DTZ1653404010052	NGUYỄN THỊ	12/04/1997					
16	212	DTZ1653801010361	HÒA ĐÌNH	23/08/1998					
17	213	DTZ1657601010134	LÝ THỊ LƯU	26/02/1997					
18	214	DTZ1653404010022	NGUYỄN THỊ MINH	14/05/1998					
19	215	DTZ1653801010248	LÊ THỊ KHÁNH	15/02/1998					
20	216	DTZ1653801010274	NGUYỄN KHÁNH	14/02/1998					
21	217	DTZ1653801010478	NÔNG HỒNG	14/10/1998					
22	218	DTZ1657601010088	SÙNG MÍ	22/10/1996					
23	219	DTZ1653801010264	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	16/09/1998					
24	220	DTZ1657601010108	GIẢNG THỊ	23/09/1996					
25	221	DTZ1653801010197	LƯƠNG THỊ	27/09/1997					
26	222	DTZ1653801010115	NGUYỄN THỊ	29/03/1997					
27	223	DTZ1653801010258	GIẢNG THUY	28/10/1998					
28	224	DTZ1653801010342	LÊ THỊ QUỲNH	18/11/1997					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1: Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2: Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_3_3
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 3 (09:30 - 10:20)
Phong Thi: GD:PM4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	225	DTZ1653801010397	NGUYỄN THI MAI	15/08/1997					
2	226	DTZ1652203300005	PHẠM THỊ NGỌC	15/03/1998					
3	227	DTZ1653801010243	HOÀNG VĂN	20/11/1998					
4	228	DTZ1653801010449	VI ĐỨC	14/05/1998					
5	229	DTZ1655281020003	TRẦN XUÂN	05/12/1998					
6	230	DTZ1653801010509	GIẢNG THỊ	20/03/1997					
7	231	DTZ1653801010459	PỜ XA	07/12/1997					
8	232	DTZ1655281020039	LÝ THỊ	11/07/1998					
9	233	DTZ1657601010013	BẠCH CÔNG	13/09/1998					
10	234	DTZ1657601010114	CỦNG THỊ	08/04/1998					
11	235	DTZ1653801010261	NÔNG THÚY	24/02/1998					
12	236	DTZ1657601010051	CHU PHỒ	18/2/1998					
13	237	DTZ1653801010437	ĐẶNG MÙI	02/09/1998					
14	238	DTZ1653801010206	ĐÀM VĂN	09/08/1998					
15	239	DTZ1657601010119	THẢO MÍ	22/06/1998					
16	240	DTZ1657601010026	ĐÌNH THÀNH	09/09/1998					
17	241	DTZ1653801010087	NGÔ PHƯƠNG	02/06/1998					
18	242	DTZ1652202010030	NGUYỄN VĂN	13/3/1998					
19	243	DTZ1653801010226	HOÀNG THỊ	27/07/1998					
20	244	DTZ1653801010313	KIM THIÊN	12/12/1998					
21	245	DTZ1657601010001	NGUYỄN THỊ NGÂN	09/09/1998					
22	246	DTZ1652203100001	HÙNG THỊ	25/09/1998					
23	247	DTZ1653801010203	LÊ TRUNG	12/01/1997					
24	248	DTZ1657601010027	HOÀNG THỊ	11/10/1997					
25	249	DTZ1657204030001	HÀ THỊ	06/09/1998					
26	250	DTZ1653801010161	NÔNG THỊ HỒNG	31/07/1997					
27	251	DTZ1653801010405	NGUYỄN THỊ HỒNG	03/03/1998					
28	252	DTZ1655281020009	LƯƠNG THỊ THANH	25/08/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_4_1

Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Trắc nghiệm máy tính

Phòng Thi:

Ca thi: 4 (10:30 - 11:20)

GD: PM1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	253	DTZ1657204030006	PHAM HỒNG	NGỌC	06/07/1997					
2	254	DTZ1653801010118	THẨM THỊ	NGUYỄN	25/04/1998					
3	255	DTZ1653801010157	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	07/11/1998					
4	256	DTZ1653801010316	TRIỆU THU	NGUYỆT	02/07/1998					
5	257	DTZ1657601010014	NÔNG THỊ	NGUYỆT	15/05/1998					
6	258	DTZ1654202010009	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	18/06/1998					
7	259	DTZ1655281020053	TRẦN THỊ	NGUYỆT	28/04/1997					
8	260	DTZ1653801010398	BÉ THỊ	NHA	13/10/1998					
9	261	DTZ1654202010004	NGUYỄN THỊ HOA	NHÀI	06/04/1998					
10	262	DTZ1653801010334	VŨ TRỌNG	NHÂN	21/03/1998					
11	263	DTZ1657601010093	HOÀNG THỊ	NHẬT	18/11/1997					
12	264	DTZ1653801010035	HỒ ANH MINH	NHẬT	30/07/1998					
13	265	DTZ1653801010467	TRƯƠNG THỊ	NHU'	16/12/1997					
14	266	DTZ1657601010031	CHÁNG THỊ	NHŨM	02/06/1998					
15	267	DTZ1653801010119	LŨU THỊ	NHUNG	07/03/1998					
16	268	DTZ1653801010381	PHAM HỒNG	NHUNG	10/06/1998					
17	269	DTZ1657601010087	TRẦN THỊ	NHUNG	07/07/1997					
18	270	DTZ1653801010474	ĐÀO HUY	NINH	06/03/1992					
19	271	DTZ1653801010062	TRĂNG SEO	NÓ	25/05/1998					
20	272	DTZ1657601010076	LỖ KHỜ	NU	06/11/1998					
21	273	DTZ1657601010137	VÀNG THỊ	PHÍA	08/03/1998					
22	274	DTZ1553801010299	BÙI HỒNG	PHÚC	26/06/1995					
23	275	DTZ1654402170003	ĐÌNH QUANG	PHÙNG	22/03/1997					
24	276	DTZ1653801010027	LỖ HUE	PHƯƠNG	06/08/1998					
25	277	DTZ1653801010241	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	13/08/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THÍ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_4_2

Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Trắc nghiệm máy tính

Phòng Thi:

Ca thi: 4 (10:30 - 11:20)

GD: PM2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngay Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	278	DTZ1653801010010	NGUYỄN TUẤN	PHƯƠNG	16/04/1998				
2	279	DTZ1653801010196	TA THU	PHƯƠNG	22/10/1998				
3	280	DTZ1654403010002	LƯƠNG THỦY	PHƯƠNG	23/04/1998				
4	281	DTZ1653801010350	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	14/07/1998				
5	282	DTZ1653801010338	NGUYỄN TRANG	PHƯƠNG	09/10/1997				
6	283	DTZ1653801010340	NÔNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	18/08/1998				
7	284	DTZ1653404010001	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	16/10/1998				
8	285	DTZ1653801010465	LƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	10/08/1998				
9	286	DTZ1657601010071	PHÙNG QUANG	PHƯƠNG	10/11/1998				
10	287	DTZ1653801010170	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	16/06/1997				
11	288	DTZ1653801010286	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	21/07/1997				
12	289	DTZ1653801010273	TRẦN CẨM	PHƯƠNG	06/09/1998				
13	290	DTZ1653801010003	NGUYỄN KIM	PHƯƠNG	03/12/1998				
14	291	DTZ1655281020004	LÊ THỊ	PHƯƠNG	09/10/1998				
15	292	DTZ1653801010044	LŨ THỊ	PHƯƠNG	15/08/1998				
16	293	DTZ1657601010075	SÙNG XỬ	PH	08/01/1998				
17	294	DTZ1653801010477	ĐINH HỒNG	QUÂN	01/04/1998				
18	295	DTZ1653801010142	NGUYỄN ANH	QUÂN	04/07/1998				
19	296	DTZ1653801010297	PHẦN MINH	QUÂN	17/08/1998				
20	297	DTZ1653404010033	XÀ VÂN	QUANG	18/11/1998				
21	298	DTZ1653801010252	VÀNG SEO	QUANG	15/09/1998				
22	299	DTZ1653801010471	NGUYỄN THỊ	QUÊ	06/01/1998				
23	300	DTZ1653801010456	ĐÀO CÔNG	QUỖ	29/10/1998				
24	301	DTZ1657601010002	BÙI HƯƠNG	QUỖNH	11/10/1998				
25	302	DTZ1653801010253	DƯƠNG THỊ	QUỖNH	20/01/1998				

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_4_3
Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Trắc nghiệm máy tính
Ca thi: 4 (10:30 - 11:20)
Phong Thi: GD:PM4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	303	DTZ1653404010055	HOÀNG THỊ QUỲNH	26/09/1998					
2	304	DTZ1653801010234	LÙ SEO SÂN	19/06/1997					
3	305	DTZ1653801010333	NGUYỄN THỊ SANG	28/02/1997					
4	306	DTZ1657601010077	HỒ A SANG	13/11/1997					
5	307	DTZ1653801010194	ĐÀO QUANG SÁNG	01/12/1998					
6	308	DTZ1653404010007	NÔNG HỒNG SÁNG	09/06/1998					
7	309	DTZ1657601010020	GIÀNG A SÈNG	21/07/1996					
8	310	DTZ1653801010060	ĐANG TIẾN SINH	04/09/1998					
9	311	DTZ1653801010481	SÙNG A SINH	06/04/1998					
10	312	DTZ1653801010176	GIÀNG MÍ SINH	01/02/1998					
11	313	DTZ1653801010473	NGUYỄN VĂN SƠN	12/05/1998					
12	314	DTZ1657601010024	ĐIỀU CHÍNH SƠN	05/06/1998					
13	315	DTZ1653801010080	MÀO THANH SƠN	17/12/1998					
14	316	DTZ1657601010065	LY A SU	05/06/1994					
15	317	DTZ1653801010499	LY A SÙ	07/08/1998					
16	318	DTZ1653801010141	GIÀNG THỊ SỬA	06/03/1998					
17	319	DTZ1653801010476	THẢO THỊ SUNG	12/07/1998					
18	320	DTZ1655281020030	ĐỖ THỊ TÂM	10/09/1998					
19	321	DTZ1657601010018	MA THỊ TÂM	12/04/1997					
20	322	DTZ1653801010052	TRIỆU NGỌC TĂNG	01/02/1996					
21	323	DTZ1653801010147	LÂM HOÀNG THAI	02/11/1997					
22	324	DTZ1655281020018	NGUYỄN VINH THAI	11/10/1998					
23	325	DTZ1653801010126	NGUYỄN ĐÌNH THAI	8/31/1998					
24	326	DTZ1657601010067	NÔNG THỊ THẨM	26/08/1998					
25	327	DTZ1655281020019	DƯƠNG VĂN THẮNG	01/01/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt..... Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ giấy thi.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ chấm thi 2:.....

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_7_1

Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Trắc nghiệm máy tính

Phòng Thi:

Ca thi: 7 (15:45 - 16:35)

GD: PM1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	328	DTZ1653801010335	NGUYỄN MẠNH THẮNG	26/02/1998					
2	329	DTZ1657601010046	LY SEO THANH	08/12/1997					
3	330	DTZ1653801010327	VÀNG THANH	07/02/1998					
4	331	DTZ1657601010082	PHẦN A THANH	07/10/1995					
5	332	DTZ1653801010127	VŨ ĐỨC THÀNH	01/05/1998					
6	333	DTZ1553201010049	VÀNG VĂN THAO	28/10/1993					
7	334	DTZ1653801010314	HÀ THU THẢO	03/04/1998					
8	335	DTZ1653801010354	PHAN THU THẢO	23/01/1996					
9	336	DTZ1657601010015	NÔNG THỊ THU THẢO	16/08/1996					
10	337	DTZ1653801010454	LÔ THỊ THẢO	19/05/1997					
11	338	DTZ1652203300004	NÔNG THỊ THÁP	20/07/1997					
12	339	DTZ1553201010053	NGÔ VĂN THẾ	2/21/1996					
13	340	DTZ1653801010500	ĐINH VĂN THI	12/06/1998					
14	341	DTZ1657601010011	QUAN THỊ THI	27/04/1998					
15	342	DTZ1653404010040	HOÀNG THỊ THIÊM	28/10/1998					
16	343	DTZ1657204030003	NGUYỄN VĂN ĐÀM THIÊN	05/02/1998					
17	344	DTZ1657601010040	NÔNG THỊ THOÀ	16/05/1998					
18	345	DTZ1657601010029	GIẢNG THỊ THU	23/03/1997					
19	346	DTZ1653801010214	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	27/02/1998					
20	347	DTZ1653801010177	HOÀNG VĂN THƯƠNG	10/06/1995					
21	348	DTZ1653801010072	LƯƠNG THỊ THƯƠNG	21/01/1998					
22	349	DTZ1657601010023	LÙ THỊ THÂN THƯƠNG	28/04/1998					
23	350	DTZ1657204030005	TÀ THỊ THANH THỦY	22/02/1998					
24	351	DTZ1653801010219	MA HƯƠNG THỦY	21/08/1997					
25	352	DTZ1653801010160	NGUYỄN THỊ THỦY	04/03/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_7_2

Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Trắc nghiệm máy tính

Ca thi: 7 (15:45 - 16:35)

Phòng Thi:

GD:PM2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	353	DTZ1655281020052	PHẠM THỊ THÙY	11/07/1997					
2	354	DTZ1657601010059	NGUYỄN THỊ TÌNH	23/07/1998					
3	355	DTZ1657601010058	TRƯƠNG HÀ MANH	04/06/1998					
4	356	DTZ1653801010410	PHAN QUANG TOÀN	30/12/1998					
5	357	DTZ1655281020050	TRIỆU THỊ TON	05/10/1998					
6	358	DTZ1653801010139	NGUYỄN THÙY TRÀ	15/10/1998					
7	359	DTZ1657601010008	HOÀNG THỊ TRÀ	16/10/1997					
8	360	DTZ1653801010213	HOÀNG LINH TRANG	14/01/1998					
9	361	DTZ1657601010107	LA THỊ TRANG	30/08/1996					
10	362	DTZ1653801010154	GIÀNG THỊ TRANG	10/09/1998					
11	363	DTZ1653801010070	LÊ HUYỀN TRANG	09/01/1998					
12	364	DTZ1657601010041	HOÀNG THỊ TRANG	06/11/1998					
13	365	DTZ1655281020005	LÊ KIỀU TRANG	29/04/1998					
14	366	DTZ1653801010455	THẢO A TRAU	07/05/1998					
15	367	DTZ1653801010030	ĐẶNG THỊ KIỀU TRINH	15/06/1998					
16	368	DTZ1657601010045	LÔ VĂN TRUÔNG	25/11/1996					
17	369	DTZ1653801010149	LÊ TRỌNG TÚ	02/06/1997					
18	370	DTZ1653801010227	NGUYỄN MINH TÚ	07/08/1996					
19	371	DTZ1653404010045	LÝ MINH TÚ	14/05/1996					
20	372	DTZ1552203100019	VI VĂN TÚ	25/11/1996					
21	373	DTZ1657601010033	LÝ VĂN TUẤN	16/09/1998					
22	374	DTZ1553201010071	ĐỖ ANH TUẤN	11/10/1993					
23	375	DTZ1653801010202	NGUYỄN ANH TUẤN	13/01/1995					
24	376	DTZ1653801010235	DƯƠNG ĐÌNH TÙNG	22/09/1998					
25	377	DTZ1657601010113	HÀNG A TÙNG	11/06/1997					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_31/05/2020_7_3

Ngày thi: 31/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Trắc nghiệm máy tính

Phong Thi:

Ca thi: 7 (15:45 - 16:35)

GD:PM4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngay Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	378	DTZ1653801010483	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	07/10/1998					
2	379	DTZ1653801010081	TRIỆU THANH TUYÊN	07/09/1998					
3	380	DTZ1657601010101	HỨA THỊ UYÊN	26/02/1998					
4	381	DTZ1653801010353	VŨ THỊ THU UYÊN	21/03/1998					
5	382	DTZ1653801010162	HOÀNG THỊ UYÊN	10/01/1997					
6	383	DTZ1653801010217	VÀNG MÍ VÀ	10/12/1998					
7	384	DTZ1652203300001	NÔNG THỊ BÍCH VÂN	01/09/1997					
8	385	DTZ1653801010053	HOÀNG THỊ HỒNG VÂN	27/10/1998					
9	386	DTZ1653801010143	CHÂU VĂN VÊN	18/10/1998					
10	387	DTZ1657601010016	SÙNG THỊ VI	05/06/1997					
11	388	DTZ1653801010051	TRẦN THỊ VINH	14/09/1996					
12	389	DTZ1653801010296	PHAN VĂN VĨNH	28/10/1998					
13	390	DTZ1653801010148	TRẦN THỊ THÚY VINH	25/07/1998					
14	391	DTZ1653801010501	LÒ THỊ VÔ	31/10/1998					
15	392	DTZ1654202010001	DƯƠNG VĂN VŨ	11/12/1998					
16	393	DTZ1653801010289	NGUYỄN VŨ	27/10/1997					
17	394	DTZ1657601010009	LY PHÍ XA	15/04/1998					
18	395	DTZ1652203300009	HOÀNG THỊ XỌA	11/11/1998					
19	396	DTZ1655281020040	ĐÀNG THỊ XOAN	10/07/1998					
20	397	DTZ1657601010142	LỤC THỊ XUÂN	16/07/1998					
21	398	DTZ1657601010054	LÒ THỊ XUÂN	20/11/1998					
22	399	DTZ1654202010003	LŨ THỊ XUÂN	11/03/1998					
23	400	DTZ1653801010461	SINH THỊ YÊN	01/07/1997					
24	401	DTZ1655281020032	NGUYỄN VĂN LINH	18/12/1998					
25	402	DTZ1655281020013	LƯƠNG NI NA	13/10/1998					
26	403	DTZ1655281020025	VŨ ĐỨC NAM	18/08/1998					
27	404	DTZ1655281020015	NÔNG DUY THÔNG	12/04/1997					
28	405	DTZ1655281020027	TRẦN DUY KHÁNH	12/10/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi

Số sinh viên vi phạm quy chế thi

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_1

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phòng Thi:

Ca thi: Sáng (07:30 - 11:30)

GD: 3A301

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngay Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	1	DTZ1553201010001	NGUYỄN THO TRĂNG	AN	6/14/1997				
2	2	DTZ1653801010434	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	ANH	12/09/1998				
3	3	DTZ1653801010191	BÙI TUẤN	ANH	28/02/1996				
4	4	DTZ1653404010019	KHÔNG VŨ GIANG	ANH	12/01/1998				
5	5	DTZ1657601010034	LÝ THẢO	ANH	13/05/1998				
6	6	DTZ1653801010014	MA TUẤN	ANH	09/06/1998				
7	7	DTZ1653801010025	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	20/03/1998				
8	8	DTZ1655281020042	NGUYỄN QUỲNH	ANH	04/03/1998				
9	9	DTZ1653801010370	HOÀNG NGỌC	ẢNH	01/10/1998				
10	10	DTZ1657601010112	NÔNG THỊ NGỌC	ẢNH	22/04/1997				
11	11	DTZ1653801010005	TRƯƠNG THỊ NGỌC	ẢNH	10/08/1998				
12	12	DTZ1653801010221	VỊ THỊ THU	BA	02/09/1998				
13	13	DTZ1654402170011	HOÀNG ĐỨC	BẮC	08/02/1998				
14	14	DTZ1653801010265	HOÀNG THỊ	BÀNG	04/03/1995				
15	15	DTZ1653801010138	PHU HỜ	BE	01/03/1998				
16	16	DTZ1653801010094	NGUYỄN THỊ	BÌNH	02/07/1998				
17	17	DTZ1655281020011	DƯƠNG THỊ HẢI	BÌNH	01/06/1998				
18	18	DTZ1653801010444	MÙA A	BÌNH	05/04/1998				
19	19	DTZ1653801010462	VẮNG SEO	BÌNH	17/01/1995				
20	20	DTZ1653801010506	KHANG THỊ	BLA	04/04/1998				
21	21	DTZ1657601010039	GIẢNG XE	BƯ	26/03/1998				
22	22	DTZ1657601010053	LÒ THỊ	CẢNH	14/08/1998				
23	23	DTZ1654402170006	GIẢNG MÌ	CÁU	28/07/1998				
24	24	DTZ1657601010079	MUA MÌ	CÂY	17/08/1997				
25	25	DTZ1657601010012	TRẮNG SEO	CHA	03/10/1998				

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_2
Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp
Ca thi: Sáng (07:30 - 11:30)
Phong Thi: GD: 3A301

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	26	DTZ1653801010417	VŨ A CHÁ	06/01/1998					
2	27	DTZ1657601010120	LÒ THỊ CHÂM	01/01/1997					
3	28	DTZ1653801010024	HOÀNG THỊ CHÂM	15/10/1997					
4	29	DTZ1653801010046	LIÊU THỊ CHÂM	28/12/1998					
5	30	DTZ1655281020041	NÔNG THỊ CHIÊM	23/09/1997					
6	31	DTZ1657601010047	BÙI VĂN CHIÊN	25/08/1998					
7	32	DTZ1653801010063	LÙ VĂN CHIỀU	15/04/1998					
8	33	DTZ1657601010111	HÀNG A CHINH	04/03/1998					
9	34	DTZ1453201010093	VŨ THỊ TUYẾT CHINH	24/07/1996					
10	35	DTZ1653801010428	SÙNG A CHÍNH	18/08/1998					
11	36	DTZ1452203300011	HÀU MÌ CHƠ	19/04/1994					
12	37	DTZ1653801010229	SÙNG THỊ CHU	10/03/1998					
13	38	DTZ1653801010236	SÙNG A CHỦ	08/12/1997					
14	39	DTZ1657601010069	VÀNG THỊ CHỬ	07/04/1998					
15	40	DTZ1653404010050	ĐĂNG TÒN CHUÔNG	10/10/1998					
16	41	DTZ1657601010124	LÒ MINH CHUÔNG	12/03/1998					
17	42	DTZ1657601010042	LƯƠNG THỊ CHUYỀN	23/05/1998					
18	43	DTZ1653801010093	MÙA THỊ CU	01/01/1998					
19	44	DTZ1657601010057	NÔNG THỊ KIM CÚC	20/12/1998					
20	45	DTZ1653801010045	THẢO THỊ CÚC	10/12/1997					
21	46	DTZ1653801010293	CHÂU SÍN CUNG	20/06/1998					
22	47	DTZ1653801010096	NGUYỄN DUY CƯƠNG	10/08/1998					
23	48	DTZ1653801010453	LÒ VĂN CƯƠNG	19/05/1997					
24	49	DTZ1653801010250	NGUYỄN VĂN ĐÀI	11/03/1998					
25	50	DTZ1657601010098	CHỪNG SEO DẦN	01/01/1991					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_3
Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp
Ca thi: Sáng (07:30 - 11:30) Phong Thi: GD: 3A301

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ghi chú
1	51	DTZ1653801010097	TRẦN VĂN ĐĂNG	28/02/1998					
2	52	DTZ1655104010005	ĐANG MÙI DẬT	29/09/1998					
3	53	DTZ1653801010359	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	07/05/1998					
4	54	DTZ1653801010013	PHAM NGỌC ĐẠT	02/08/1998					
5	55	DTZ1657601010036	LÒ MÌ DE	20/12/1998					
6	56	DTZ1653801010486	VÀNG A DẾNH	10/03/1996					
7	57	DTZ1653801010391	HOÀNG THỊ DỊ	03/03/1997					
8	58	DTZ1657601010062	VŨ A DÌA	10/06/1998					
9	59	DTZ1653801010098	VY THỊ MINH ĐIỂM	18/09/1998					
10	60	DTZ1653801010067	MÔNG THỊ NGỌC ĐIỂM	27/01/1998					
11	61	DTZ1653801010469	VY THỊ ĐIỂM	30/03/1998					
12	62	DTZ1657601010097	DƯƠNG THỊ ĐIỀN	20/06/1997					
13	63	DTZ1653801010396	NGUYỄN THỊ ĐIỀN	06/08/1998					
14	64	DTZ1653801010099	TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	14/11/1998					
15	65	DTZ1653801010452	HOÀNG THỊ DIỆP	08/04/1998					
16	66	DTZ1653801010412	NGUYỄN THỊ ĐIỀU	25/09/1997					
17	67	DTZ1653801010280	HÀNG THỊ DINH	20/12/1998					
18	68	DTZ1653801010033	THẢO A DINH	20/07/1998					
19	69	DTZ1653404010046	ĐÀM NGỌC ĐÌNH	25/10/1997					
20	70	DTZ1653801010325	TRIỆU THỊ THANH ĐOÀN	21/08/1998					
21	71	DTZ1653801010488	TRẦN CÔNG ĐOÀN	30/12/1994					
22	72	DTZ1654403010006	CHU CÔNG ĐOÀN	26/04/1998					
23	73	DTZ1354403010007	LƯU CÔNG DOANH	24/09/1995					
24	74	DTZ1653801010015	LÒ VĂN ĐÔNG	19/10/1998					
25	75	DTZ1657601010010	LÝ THỊ ĐÔNG	05/09/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ giấy thi.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ chấm thi 2:.....

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
 Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_4
 Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
 Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp Phòng Thi:
 Ca thi: Sáng (07:30 - 11:30) GD: 3A304

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	76	DTZ1657601010037	LÔ THỊ DƯ	05/02/1998					
2	77	DTZ1653801010489	LY KY ĐU	21/07/1998					
3	78	DTZ1653801010326	LÙ THỊ DUNG	10/11/1998					
4	79	DTZ1553201010010	ĐỖ HOÀNG DŨNG	18/04/1997					
5	80	DTZ1657601010118	NGUYỄN VĂN ĐUỐC	17/06/1998					
6	81	DTZ1653801010466	NÔNG THỊ THÙY DƯƠNG	03/09/1998					
7	82	DTZ1657601010019	TÁO THÊN DƯƠNG	15/09/1998					
8	83	DTZ1357601010161	HOÀNG THỊ DƯƠNG	25/11/1995					
9	84	DTZ1653801010336	DƯƠNG THỊ DUYÊN	23/01/1998					
10	85	DTZ1653801010464	SÙNG THỊ GIÀ	20/04/1996					
11	86	DTZ1653801010151	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	04/02/1998					
12	87	DTZ1653801010039	TẠ THỊ HÀ GIANG	12/11/1998					
13	88	DTZ1653801010364	PHẠM BÀ GIANG	02/01/1998					
14	89	DTZ1653801010498	GIẢNG A GIẢNG	27/11/1998					
15	90	DTZ1653801010463	CỬ MÍ GIỎ	01/02/1997					
16	91	DTZ1653801010104	CAO VIỆT HÀ	15/05/1998					
17	92	DTZ1653801010497	CHU THỊ THU HÀ	27/01/1998					
18	93	DTZ1653801010040	NGÔ NGÂN HÀ	25/10/1998					
19	94	DTZ1653801010105	TRẦN THỊ HỒNG HÀ	01/09/1997					
20	95	DTZ1657601010063	LÔ THỊ HÀ	17/09/1998					
21	96	DTZ1553801010055	ĐÌNH THỊ NGỌC HÀ	01/06/1997					
22	97	DTZ1653801010182	NGUYỄN THỊ HẢI	05/03/1998					
23	98	DTZ1653801010135	LÔ THỊ HẢI	22/01/1997					
24	99	DTZ1655281020038	BẾ THỊ NGỌC HÂN	20/06/1998					
25	100	DTZ1653801010153	NGUYỄN MINH HẰNG	28/09/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi Tổng số tờ giấy thi
 Số sinh viên vi phạm quy chế thi
 Cán bộ coi thi 1: Cán bộ chấm thi 1:
 Cán bộ coi thi 2: Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_5

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phong Thi:

Ca thi: Sáng (07:30 - 11:30) GD: 3A304

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	101	DTZ1553801010061	NGUYỄN THỊ HẰNG	23/01/1997					
2	102	DTZ1653801010012	ĐINH THÚY HẰNG	24/08/1998					
3	103	DTZ1657204030007	NÔNG THỊ HẰNG	22/01/1998					
4	104	DTZ1653801010411	VỊ THỊ HẰNG	11/04/1998					
5	105	DTZ1653801010172	CHÁNG A HANH	20/03/1997					
6	106	DTZ1653404010005	DƯƠNG THỊ HANH	10/08/1998					
7	107	DTZ1653404010035	HÀ MINH HANH	27/05/1998					
8	108	DTZ1655281020014	BÙI THỊ HANH	30/08/1998					
9	109	DTZ1653801010507	NÔNG TIẾN HẢO	21/08/1995					
10	110	DTZ1657601010080	HOÀNG VĂN HIỀN	09/01/1998					
11	111	DTZ1657601010017	SÂM THỊ HIỀN	16/07/1997					
12	112	DTZ1653404010016	HOÀNG THỊ HIỀN	08/04/1998					
13	113	DTZ1653801010110	CAO THẾ HIỀN	01/01/1998					
14	114	DTZ1653801010344	TRẦN MINH HIẾU	15/09/1998					
15	115	DTZ1653801010485	LƯƠNG TRUNG HIẾU	04/12/1997					
16	116	DTZ1657601010086	LƯƠNG THỊ HIẾU	26/11/1997					
17	117	DTZ1653801010433	LÂU A HỜ	09/09/1998					
18	118	DTZ1653801010369	NGUYỄN THỊ HOA	16/12/1998					
19	119	DTZ1653801010491	NGUYỄN THỊ MAI HOA	26/07/1998					
20	120	DTZ1658501010012	HÀ THỊ HOA	06/10/1998					
21	121	DTZ1653801010352	HOÀNG THỊ THU HÒA	30/09/1997					
22	122	DTZ1653801010379	HOÀNG THU HOÀI	25/12/1998					
23	123	DTZ1354403010013	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	26/08/1994					
24	124	DTZ1653801010055	HOÀNG VĂN HOÀN	23/05/1998					
25	125	DTZ1653801010505	LÃNH MINH HOÀN	12/08/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_6

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phòng Thi:

Ca thi: Sáng (07:30 - 11:30)

GD: 3A401

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	126	DTZ1653801010090	HỒ ANH MINH	HOÀNG	11/05/1998				
2	127	DTZ1653801010112	PHÙNG ĐỨC	HOÀNG	22/01/1998				
3	128	DTZ1653801010400	BẾ NHẬT	HOÀNG	24/08/1997				
4	129	DTZ1653801010069	LÊ ĐÌNH	HOÀNG	03/02/1998				
5	130	DTZ1653801010023	NGUYỄN HUY	HOÀNG	08/01/1998				
6	131	DTZ1653801010074	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	16/02/1998				
7	132	DTZ1352203100017	NÔNG NGỌC	HOÀNG	17/12/1994				
8	133	DTZ1457601010114	TRẦN VIỆT	HOÀNG	29/07/1995				
9	134	DTZ1553801010079	NGÔ NGỌC	HOÀNG	3/3/1997				
10	135	DTZ1653801010178	LÊ THỊ ĐỨC	HÔNG	29/07/1998				
11	136	DTZ1653801010378	LÀU A	HÔNG	07/10/1997				
12	137	DTZ1653404010048	NGUYỄN VĂN	HUÂN	22/01/1998				
13	138	DTZ1653801010004	TRẦN PHAN	HÙNG	04/12/1998				
14	139	DTZ1653801010395	TRẦN SĨ	HÙNG	30/01/1997				
15	140	DTZ1653801010451	NGUYỄN MANH	HÙNG	27/10/1996				
16	141	DTZ1653801010026	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	21/08/1998				
17	142	DTZ1653801010394	HOÀNG VĂN	HÙNG	04/10/1998				
18	143	DTZ1355281020024	NGUYỄN HẢI	HÙNG	02/09/1995				
19	144	DTZ1657601010085	CAM THỊ	HƯƠNG	13/11/1997				
20	145	DTZ1653404010029	LỘC THỊ	HƯƠNG	24/02/1996				
21	146	DTZ1653404010025	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	11/08/1998				
22	147	DTZ1653404010003	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	19/02/1998				
23	148	DTZ1455104030032	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	25/05/1996				
24	149	DTZ1553404010016	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	08/01/1997				
25	150	DTZ1652203300003	TA THỊ	HƯƠNG	07/04/1997				

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_7

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phòng Thi:

Ca thi: Sáng (07:30 - 11:30)

GD: 3A401

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	151	DTZ1655281020031	HOÀNG THỊ HƯƠNG	11/09/1998					
2	152	DTZ1455104030052	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	24/09/1996					
3	153	DTZ1653801010330	PHAN THỊ MAI HƯƠNG	16/04/1997					
4	154	DTZ1655281020049	PHẠM THỊ LAN HƯƠNG	22/09/1998					
5	155	DTZ1657601010025	HOÀNG KIM HƯƠNG	11/9/1998					
6	156	DTZ1657601010049	HOÀNG THỊ HƯƠNG	07/01/1998					
7	157	DTZ1657601010032	CHÂN THỊ HƯƠNG	15/05/1998					
8	158	DTZ1653801010458	CHU THỊ HƯƠNG	23/08/1998					
9	159	DTZ1655281020017	DU QUỐC HUY	30/09/1998					
10	160	DTZ1653801010048	ĐÔNG VĂN HUY	22/11/1996					
11	161	DTZ1455104030003	NGUYỄN QUANG HUY	31/12/1996					
12	162	DTZ1653801010180	NGUYỄN THU HUYỀN	16/10/1998					
13	163	DTZ1653801010007	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	13/02/1998					
14	164	DTZ1652203300006	TRẦN LỆ CHÂU HUYỀN	01/08/1998					
15	165	DTZ1655281020034	ĐOÀN THỊ THANH HUYỀN	16/01/1998					
16	166	DTZ1653801010174	LỤC QUỐC KHÁNH	11/05/1998					
17	167	DTZ1655281020027	TRẦN DUY KHÁNH	12/10/1998					
18	168	DTZ1657601010129	LÒ THỊ KHUYỀN	05/03/1998					
19	169	DTZ1657601010092	LÝ THANH KIỂM	03/09/1998					
20	170	DTZ1653801010034	NGUYỄN TRUNG KIÊN	15/02/1998					
21	171	DTZ1657601010116	PHAN VĂN KIÊN	23/04/1998					
22	172	DTZ1455104030020	PHẠM TRUNG KIÊN	08/01/1994					
23	173	DTZ1653404010012	NÔNG THỊ KIỀU	18/09/1998					
24	174	DTZ1653404010020	LÒ THỊ LÃ	26/06/1995					
25	175	DTZ1654403010005	TRƯƠNG THÁI LÂM	26/07/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ giấy thi.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ chấm thi 2:.....

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_8

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phòng Thi:

Ca thi: Sáng (07:30 - 11:30) GD: 3A401

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	176	DTZ1654403010004	TRƯƠNG THỦY LÂM	26/07/1998					
2	177	DTZ1654202010008	NGUYỄN THẾ LÂM	04/06/1992					
3	178	DTZ1657601010048	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	07/06/1998					
4	179	DTZ1653801010145	LÊ THỊ NGỌC LAN	28/11/1998					
5	180	DTZ1657601010109	LỖ MỸ LAN	18/08/1998					
6	181	DTZ1653801010448	TRIỆU THỦY LAN	20/06/1997					
7	182	DTZ1653801010242	LÂM VĂN LẬP	16/04/1998					
8	183	DTZ1653801010460	VI NHẬT LỆ	14/07/1998					
9	184	DTZ1653801010113	HOÀNG THỊ LEN	04/09/1998					
10	185	DTZ1555281020060	MAI THỊ HOA LEN	8/9/1997					
11	186	DTZ1653801010152	NGUYỄN THÁI LIÊN	12/01/1998					
12	187	DTZ1657601010091	LÒ VĂN LIÊN	20/10/1998					
13	188	DTZ1657601010073	ĐINH THỊ HOÀI LINH	18/07/1998					
14	189	DTZ1653801010114	HOÀNG KHÁNH LINH	06/09/1998					
15	190	DTZ1654403010008	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	27/05/1998					
16	191	DTZ1653404010023	NÔNG THỊ LINH	08/07/1997					
17	192	DTZ1653801010018	TRẦN ĐA LINH	08/02/1998					
18	193	DTZ1655281020032	NGUYỄN VĂN LINH	18/12/1998					
19	194	DTZ1657601010052	NÔNG THỊ HỒNG LINH	04/05/1997					
20	195	DTZ1653801010490	LÝ THỊ ÁI LINH	20/11/1998					
21	196	DTZ1655281020008	MINH PHƯƠNG LINH	05/02/1996					
22	197	DTZ1655281020028	NGUYỄN QUANG LINH	14/12/1998					
23	198	DTZ1655281020007	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	04/09/1997					
24	199	DTZ1653801010215	NÔNG THỊ TÀI LINH	11/11/1998					
25	200	DTZ1653801010358	TÔNG THỊ KHÁNH LINH	23/12/1997					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi

Số sinh viên vi phạm quy chế thi

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_9
Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp Phong Thi:
Ca thi: Chiều (13:30 - 17:30) GD: 3A301

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ghi chú
1	201	DTZ1653801010037	TRIỆU HOÀNG LINH	03/11/1998					
2	202	DTZ1553801010301	VŨ KHÁNH LINH	03/07/1997					
3	203	DTZ1653801010207	RIỀU THỊ LOAN	16/11/1998					
4	204	DTZ1455281020031	VŨ NGỌC LONG	12/26/1995					
5	205	DTZ1657601010043	HỒ A LÔNG	06/07/1998					
6	206	DTZ1653801010447	LÒ LÒ LU	6/15/1997					
7	207	DTZ1657601010131	LY A LỬ	06/02/1995					
8	208	DTZ1653801010329	LÒ THỊ LƯỢC	14/09/1997					
9	209	DTZ1657601010133	HOÀNG ANH LƯƠNG	19/05/1997					
10	210	DTZ1653801010368	PHAN VĂN LƯƠNG	18/08/1998					
11	211	DTZ1653801010495	ĐÀM THỊ LƯƠNG	29/03/1997					
12	212	DTZ1653801010163	LÝ VĂN LƯƠNG	10/10/1998					
13	213	DTZ1653404010052	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	12/04/1997					
14	214	DTZ1653801010361	HÓA ĐÌNH LƯU	23/08/1998					
15	215	DTZ1657601010134	LÝ THỊ LƯU LUYẾN	26/02/1997					
16	216	DTZ1653404010022	NGUYỄN THỊ MINH LUYẾN	14/05/1998					
17	217	DTZ1653801010248	LÊ THỊ KHÁNH LY	15/02/1998					
18	218	DTZ1653801010274	NGUYỄN KHÁNH LY	14/02/1998					
19	219	DTZ1653801010478	NÔNG HỒNG LY	14/10/1998					
20	220	DTZ1657601010088	SÙNG MÍ LY	22/10/1996					
21	221	DTZ1653801010264	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	16/09/1998					
22	222	DTZ1657601010108	GIẢNG THỊ MAI	23/09/1996					
23	223	DTZ1653801010197	LƯƠNG THỊ MAI	27/09/1997					
24	224	DTZ1653801010115	NGUYỄN THỊ MAI	29/03/1997					
25	225	DTZ1653801010258	GIẢNG THỦY MAI	28/10/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_10

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phòng Thi:

Ca thi: Chiều (13:30 - 17:30) GĐ: 3A301

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	226	DTZ1653801010342	LÊ THỊ QUỲNH	MAI	18/11/1997				
2	227	DTZ1653801010397	NGUYỄN THỊ	MAI	15/08/1997				
3	228	DTZ1652203300005	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	15/03/1998				
4	229	DTZ1653801010243	HOÀNG VĂN	MANH	20/11/1998				
5	230	DTZ1653801010449	VI ĐỨC	MANH	14/05/1998				
6	231	DTZ1655281020003	TRẦN XUÂN	MANH	05/12/1998				
7	232	DTZ1653801010509	GIẢNG THỊ	MÂY	20/03/1997				
8	233	DTZ1653801010459	PỜ XA	MỀ	07/12/1997				
9	234	DTZ1655281020039	LÝ THỊ	MÊN	11/07/1998				
10	235	DTZ1657601010013	BẠCH CÔNG	MINH	13/09/1998				
11	236	DTZ1657601010114	CÙNG THỊ	MƠ	08/04/1998				
12	237	DTZ1655281020013	LƯƠNG NI	NA	13/10/1998				
13	238	DTZ1653801010261	NÔNG THÚY	NA	24/02/1998				
14	239	DTZ1657601010051	CHU PHỒ	NA	2/18/1998				
15	240	DTZ1653801010437	ĐANG MÙI	NÁI	02/09/1998				
16	241	DTZ1653801010206	ĐÀM VĂN	NAM	09/08/1998				
17	242	DTZ1657601010119	THẢO MÍ	NAM	22/06/1998				
18	243	DTZ1657601010026	ĐÌNH THÀNH	NAM	09/09/1998				
19	244	DTZ1653801010087	NGÔ PHƯƠNG	NAM	02/06/1998				
20	245	DTZ1655281020025	VŨ ĐỨC	NAM	18/08/1998				
21	246	DTZ1652202010030	NGUYỄN VĂN	NAM	3/13/1998				
22	247	DTZ1653801010226	HOÀNG THỊ	NGA	27/07/1998				
23	248	DTZ1653801010313	KIM THIÊN	NGA	12/12/1998				
24	249	DTZ1657601010001	NGUYỄN THỊ NGÂN	NGÂN	09/09/1998				
25	250	DTZ1652203100001	HÙNG THỊ	NGÂN	25/09/1998				

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ giấy thi.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ chấm thi 2:.....

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_11

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phòng Thi:

Ca thi: Chiều (13:30 - 17:30) GĐ: 3A301

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	251	DTZ1653801010203	LÊ TRUNG NGHĨA	12/01/1997					
2	252	DTZ1657601010027	HOÀNG THỊ NGHIM	11/10/1997					
3	253	DTZ1657204030001	HÀ THỊ NGOAN	06/09/1998					
4	254	DTZ1653801010161	NÔNG THỊ HỒNG NGỌC	31/07/1997					
5	255	DTZ1653801010405	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	03/03/1998					
6	256	DTZ1655281020009	LƯƠNG THỊ THANH NGỌC	25/08/1998					
7	257	DTZ1657204030006	PHẠM HỒNG NGỌC	06/07/1997					
8	258	DTZ1653801010118	THẨM THỊ NGUYỄN	25/04/1998					
9	259	DTZ1653801010157	LÊ THỊ MINH NGUYỆT	07/11/1998					
10	260	DTZ1653801010316	TRIỆU THU NGUYỆT	02/07/1998					
11	261	DTZ1657601010014	NÔNG THỊ NGUYỆT	15/05/1998					
12	262	DTZ1654202010009	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	18/06/1998					
13	263	DTZ1655281020053	TRẦN THỊ NGUYỆT	28/04/1997					
14	264	DTZ1653801010398	BÉ THỊ NHA	13/10/1998					
15	265	DTZ1654202010004	NGUYỄN THỊ HOA NHÀI	06/04/1998					
16	266	DTZ1653801010334	VŨ TRỌNG NHÂN	21/03/1998					
17	267	DTZ1657601010093	HOÀNG THỊ NHẬT	18/11/1997					
18	268	DTZ1653801010035	HỒ ANH MINH NHẬT	30/07/1998					
19	269	DTZ1653801010467	TRƯƠNG THỊ NHƯ	16/12/1997					
20	270	DTZ1657601010031	CHÁNG THỊ NHÚM	02/06/1998					
21	271	DTZ1653801010119	LƯU THỊ NHUNG	07/03/1998					
22	272	DTZ1653801010381	PHẠM HỒNG NHUNG	10/06/1998					
23	273	DTZ1657601010087	TRẦN THỊ NHUNG	07/07/1997					
24	274	DTZ1653801010474	ĐÀO HUY NINH	06/03/1992					
25	275	DTZ1653801010062	TRẦN SEO NÔ	25/05/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THÍ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_3D/05/2020_1_12
Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Nghe hiểu, vấn đáp
Ca thi: Chiều (13:30 - 17:30) Phong Thi: GD 3A304

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	276	DTZ1657601010076	LÝ KHỎ	06/11/1998					
2	277	DTZ1657601010137	VÀNG THI	08/03/1998					
3	278	DTZ1553801010299	BÙI HỒNG	26/06/1995					
4	279	DTZ1654402170003	ĐÌNH QUANG	22/03/1997					
5	280	DTZ1653801010027	LÝ HUỆ	06/08/1998					
6	281	DTZ1653801010241	NGUYỄN THU	13/08/1998					
7	282	DTZ1653801010010	NGUYỄN TUẤN	16/04/1998					
8	283	DTZ1653801010196	TA THU	22/10/1998					
9	284	DTZ1654403010002	LƯƠNG THUY	23/04/1998					
10	285	DTZ1653801010350	NGUYỄN THỊ THANH	14/07/1998					
11	286	DTZ1653801010338	NGUYỄN TRANG	09/10/1997					
12	287	DTZ1653801010340	NÔNG THỊ BÍCH	18/08/1998					
13	288	DTZ1653404010001	PHAM HÀ	16/10/1998					
14	289	DTZ1653801010465	LƯƠNG THỊ	10/08/1998					
15	290	DTZ1657601010071	PHÙNG QUANG	10/11/1998					
16	291	DTZ1653801010170	NGUYỄN THỊ	16/06/1997					
17	292	DTZ1653801010286	HOÀNG THỊ	21/07/1997					
18	293	DTZ1653801010273	TRẦN CẨM	06/09/1998					
19	294	DTZ1653801010003	NGUYỄN KIM	03/12/1998					
20	295	DTZ1655281020004	LÊ THỊ	09/10/1998					
21	296	DTZ1653801010044	LÙ THỊ	15/08/1998					
22	297	DTZ1657601010075	SÙNG XỬ	08/01/1998					
23	298	DTZ1653801010477	ĐÌNH HỒNG	01/04/1998					
24	299	DTZ1653801010142	NGUYỄN ANH	04/07/1998					
25	300	DTZ1653801010297	PHẦN MINH	17/08/1998					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_13

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phong Thi:

Ca thi: Chiều (13:30 - 17:30) GD: 3A304

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ghi chú
1	301	DTZ1653404010033	XÀ VĂN QUANG	18/11/1998					
2	302	DTZ1653801010252	VÀNG SEO QUANG	15/09/1998					
3	303	DTZ1653801010471	NGUYỄN THỊ QUÊ	06/01/1998					
4	304	DTZ1653801010456	ĐÀO CÔNG QUỲ	29/10/1998					
5	305	DTZ1657601010002	BÙI HƯƠNG QUỲNH	11/10/1998					
6	306	DTZ1653801010253	DƯƠNG THỊ QUỲNH	20/01/1998					
7	307	DTZ1653404010055	HOÀNG THỊ QUỲNH	26/09/1998					
8	308	DTZ1653801010234	LÙ SEO SÂN	19/06/1997					
9	309	DTZ1653801010333	NGUYỄN THỊ SANG	28/02/1997					
10	310	DTZ1657601010077	HỒ A SANG	13/11/1997					
11	311	DTZ1653801010194	ĐÀO QUANG SÁNG	01/12/1998					
12	312	DTZ1653404010007	NÔNG HỒNG SÁNG	09/06/1998					
13	313	DTZ1657601010020	GIẢNG A SENG	21/07/1996					
14	314	DTZ1653801010060	ĐANG TIẾN SINH	04/09/1998					
15	315	DTZ1653801010481	SÙNG A SINH	06/04/1998					
16	316	DTZ1653801010176	GIẢNG MÍ SINH	01/02/1998					
17	317	DTZ1653801010473	NGUYỄN VĂN SƠN	12/05/1998					
18	318	DTZ1657601010024	ĐIỀU CHÍNH SƠN	05/06/1998					
19	319	DTZ1653801010080	MÀO THANH SƠN	17/12/1998					
20	320	DTZ1657601010065	LY A SU	05/06/1994					
21	321	DTZ1653801010499	LY A SỬ	07/08/1998					
22	322	DTZ1653801010141	GIẢNG THỊ SỬA	06/03/1998					
23	323	DTZ1653801010476	THẢO THỊ SUNG	12/07/1998					
24	324	DTZ1655281020030	ĐỖ THỊ TÂM	10/09/1998					
25	325	DTZ1657601010018	MA THỊ TÂM	12/04/1997					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_14

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phong Thi:

Ca thi: Chiều (13:30 - 17:30) GĐ: 3A401

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	326	DTZ1653801010052	TRIỆU NGỌC TÁNG	01/02/1996					
2	327	DTZ1653801010147	LÂM HOÀNG THÁI	02/11/1997					
3	328	DTZ1655281020018	NGUYỄN VĨNH THÁI	11/10/1998					
4	329	DTZ1653801010126	NGUYỄN ĐÌNH THÁI	8/31/1998					
5	330	DTZ1657601010067	NÔNG THỊ THẨM	26/08/1998					
6	331	DTZ1655281020019	DƯƠNG VĂN THẮNG	01/01/1998					
7	332	DTZ1653801010335	NGUYỄN MANH THẮNG	26/02/1998					
8	333	DTZ1657601010046	LY SEO THANH	08/12/1997					
9	334	DTZ1653801010327	VÀNG THANH	07/02/1998					
10	335	DTZ1657601010082	PHẦN A THANH	07/10/1995					
11	336	DTZ1653801010127	VŨ ĐỨC THÀNH	01/05/1998					
12	337	DTZ1553201010049	VÀNG VĂN THAO	28/10/1993					
13	338	DTZ1653801010314	HÀ THU THẢO	03/04/1998					
14	339	DTZ1653801010354	PHAN THU THẢO	23/01/1996					
15	340	DTZ1657601010015	NÔNG THỊ THU THẢO	16/08/1996					
16	341	DTZ1653801010454	LÒ THỊ THẢO	19/05/1997					
17	342	DTZ1652203300004	NÔNG THỊ THÁP	20/07/1997					
18	343	DTZ1553201010053	NGÔ VĂN THẾ	2/21/1996					
19	344	DTZ1653801010500	ĐINH VĂN THI	12/06/1998					
20	345	DTZ1657601010011	QUAN THỊ THI	27/04/1998					
21	346	DTZ1653404010040	HOÀNG THỊ THIÊM	28/10/1998					
22	347	DTZ1657204030003	NGUYỄN VĂN ĐÀM THIÊN	05/02/1998					
23	348	DTZ1657601010040	NÔNG THỊ THOẠI	16/05/1998					
24	349	DTZ1655281020015	NÔNG DUY THÔNG	12/04/1997					
25	350	DTZ1657601010029	GIẢNG THỊ THU	23/03/1997					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333
Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_15
Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh
Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp
Ca thi: Chiều (13:30 - 17:30) GD: 3A401

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ghi chú
1	351	DTZ1653801010214	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	27/02/1998					
2	352	DTZ1653801010177	HOÀNG VĂN THƯƠNG	10/06/1995					
3	353	DTZ1653801010072	LƯƠNG THỊ THƯƠNG	21/01/1998					
4	354	DTZ1657601010023	LÙ THỊ THÂN	28/04/1998					
5	355	DTZ1657204030005	TA THỊ THANH THỦY	22/02/1998					
6	356	DTZ1653801010219	MA HƯƠNG THỦY	21/08/1997					
7	357	DTZ1653801010160	NGUYỄN THỊ THỦY	04/03/1998					
8	358	DTZ1655281020052	PHAM THỊ THỦY	11/07/1997					
9	359	DTZ1657601010059	NGUYỄN THỊ TÌNH	23/07/1998					
10	360	DTZ1657601010058	TRƯƠNG HÀ MANH TOÀN	04/06/1998					
11	361	DTZ1653801010410	PHAN QUANG TOÀN	30/12/1998					
12	362	DTZ1655281020050	TRIỆU THỊ TON	05/10/1998					
13	363	DTZ1653801010139	NGUYỄN THÚY TRÁ	15/10/1998					
14	364	DTZ1657601010008	HOÀNG THỊ TRÁ	16/10/1997					
15	365	DTZ1653801010213	HOÀNG LINH TRANG	14/01/1998					
16	366	DTZ1657601010107	LA THỊ TRANG	30/08/1996					
17	367	DTZ1653801010154	GIẢNG THỊ TRANG	10/09/1998					
18	368	DTZ1653801010070	LÊ HUYỀN TRANG	09/01/1998					
19	369	DTZ1657601010041	HOÀNG THỊ TRANG	06/11/1998					
20	370	DTZ1655281020005	LÊ KIỀU TRANG	29/04/1998					
21	371	DTZ1653801010455	THẢO A TRẦU	07/05/1998					
22	372	DTZ1653801010030	ĐANG THỊ KIỀU TRINH	15/06/1998					
23	373	DTZ1657601010045	LỖ VĂN TRƯỜNG	25/11/1996					
24	374	DTZ1653801010149	LÊ TRỌNG TÚ	02/06/1997					
25	375	DTZ1653801010227	NGUYỄN MINH TÚ	07/08/1996					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2:

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2020

Mã học phần: CNN333

Mã danh sách thi: CNN333_30/05/2020_1_16

Ngày thi: 30/05/2020

Tên học phần: Chuẩn đầu ra tiếng Anh

Phần thi: Nghe hiểu, văn đáp

Phòng Thi:

Ca thi: Chiều (13:30 - 17:30) GĐ: 3A401

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	376	DTZ1653404010045	LÝ MINH TỬ	14/05/1996					
2	377	DTZ1552203100019	VÌ VĂN TỬ	25/11/1996					
3	378	DTZ1657601010033	LÝ VĂN TUẤN	16/09/1998					
4	379	DTZ1553201010071	ĐỖ ANH TUẤN	11/10/1993					
5	380	DTZ1653801010202	NGUYỄN ANH TUẤN	13/01/1995					
6	381	DTZ1653801010235	DƯƠNG ĐÌNH TÙNG	22/09/1998					
7	382	DTZ1657601010113	HÀNG A TÙNG	11/06/1997					
8	383	DTZ1653801010483	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	07/10/1998					
9	384	DTZ1653801010081	TRIỆU THANH TUYỀN	07/09/1998					
10	385	DTZ1657601010101	HỨA THỊ UYÊN	26/02/1998					
11	386	DTZ1653801010353	VŨ THỊ THU UYÊN	21/03/1998					
12	387	DTZ1653801010162	HOÀNG THỊ UYÊN	10/01/1997					
13	388	DTZ1653801010217	VÀNG MÌ VÀ	10/12/1998					
14	389	DTZ1652203300001	NÔNG THỊ BÍCH VÂN	01/09/1997					
15	390	DTZ1653801010053	HOÀNG THỊ HỒNG VÂN	27/10/1998					
16	391	DTZ1653801010143	CHÁU VĂN VÊN	18/10/1998					
17	392	DTZ1657601010016	SÙNG THỊ VI	05/06/1997					
18	393	DTZ1653801010051	TRẦN THỊ VINH	14/09/1996					
19	394	DTZ1653801010296	PHAN VĂN VINH	28/10/1998					
20	395	DTZ1653801010148	TRẦN THỊ THÚY VINH	25/07/1998					
21	396	DTZ1653801010501	LÒ THỊ VÕ	31/10/1998					
22	397	DTZ1654202010001	DƯƠNG VĂN VŨ	11/12/1998					
23	398	DTZ1653801010289	NGUYỄN VŨ	27/10/1997					
24	399	DTZ1657601010009	LY PHÍ XA	15/04/1998					
25	400	DTZ1652203300009	HOÀNG THỊ XOA	11/11/1998					
26	401	DTZ1655281020040	ĐANG THỊ XOAN	10/07/1998					
27	402	DTZ1657601010142	LỤC THỊ XUÂN	16/07/1998					
28	403	DTZ1657601010054	LÒ THỊ XUÂN	20/11/1998					
29	404	DTZ1654202010003	LÙ THỊ XUÂN	11/03/1998					
30	405	DTZ1653801010461	SINH THỊ YÊN	01/07/1997					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt Số sinh viên vắng mặt Tổng số bài thi

Tổng số tờ giấy thi:

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ chấm thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ chấm thi 2: